

Số: 2345/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 29 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận điểm học phần cho sinh viên năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-YDHP ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-YDHP ngày 15/06/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ngày 22/12/2022 về việc xét công nhận điểm học phần cho sinh viên năm học 2022-2023;

Xét đề nghị của Bà Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận điểm học phần cho sinh viên năm học 2022-2023.

(Có danh sách cụ thể đính kèm)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Phòng Quản lý Đào tạo Đại học; Trung tâm Khảo thí và QLCLGD; các Khoa, Bộ môn và các sinh viên có tên trong Điều 1 căn cứ quyết định thi hành. *glt*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, QL ĐTDH, TTKT&QLCLGD

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM HỌC PHẦN
(Kèm theo Quyết định Số: 2345/QĐ-YDHP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

STT	Mã SV	Họ tên	Năm sinh	Lớp	Tên học phần đã học		Tên học phần đề nghị công nhận điểm		
					Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Điểm học phần công nhận
1	1751010599	Phan Thục Anh	04/10/1999	K39I	Tâm lý y học	2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	5.2
					Tổ chức Y tế	2	Tổ chức và quản lý y tế	2	7.4
					Điều dưỡng cơ bản	3	Điều dưỡng cơ bản	3	8.9
2	2231010029	Nguyễn Thị Mai	22/10/1992	CT38B	Giải phẫu	5	Giải phẫu 1	2	5.5
							Giải phẫu 2	2	5.5
					Lý sinh 1	4	Lý sinh	2	5.5
					Mô phôi	5	Mô phôi	2	7.0
					Sinh học	4	Sinh học	2	8.5
					Tin	4	Tin học đại cương và ứng dụng	2	7.0
					Thống kê y học	4	Xác suất-Thống kê y học	2	6.0
					Toán xác suất-Thống kê	2			
					Di truyền	3	Di truyền	2	8.0
					Hóa sinh1	2	Hóa sinh	3	6.5
					Hóa sinh2	3			
					Ký sinh trùng	5	Ký sinh trùng	2	8.0
					Tâm lý đạo đức	4	Tâm lý y học - đạo đức y học	2	7.0

STT	Mã SV	Họ tên	Năm sinh	Lớp	Tên học phần đã học		Tên học phần đề nghị công nhận điểm		
					Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Điểm học phần công nhận
3	2231010029	Nguyễn Thị Mai	22/10/1992	CT38B	Vi sinh	5	Vi sinh	2	6.5
					Sinh lý học	5	Sinh lý 1	2	7.5
							Sinh lý 2	2	7.5
4	2231010103	Lê Hùng Cường	27/07/1988	CT38B	Vi sinh vật	2	Vi sinh	2	8.0
					Tin học đại cương	3	Tin học đại cương & ứng dụng	2	7.5
					Xác suất - Thống kê Y học	2	Xác suất - Thống kê Y học	2	6.0
5	2255010067	Nguyễn Thị Thu Hiền	13/05/2004	RHM.K14	IELTS Cambridge	Chứng chỉ	Ngoại ngữ 1	3	10.0
							Ngoại ngữ 2	3	10.0
6	2231010058	Nguyễn Văn Cường	08/03/1996	CT38A	Vật lý- Lý sinh	2	Lý sinh	2	8.0
					Tin học đại cương	3	Tin học đại cương & ứng dụng	2	8.8
					Xác suất - Thống kê y học	2	Xác suất - Thống kê y học	2	8.3
					Mô học - Phôi thai học	2	Mô phôi	2	7.9
					Tâm lý - Đạo đức y học	3	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	7.9
7	2231010035	Phạm Văn Thiện	18/01/1992	CT38A	Hóa đại cương vô cơ	3	Hoá Học	3	6.8
					Hóa hữu cơ	4			
					Hóa phân tích	4			
					Toán thống kê Y - Dược	2	Xác suất - Thống kê Y Học	2	8.0
					Sinh học - Di truyền	3	Sinh Học	2	7.0

STT	Mã SV	Họ tên	Năm sinh	Lớp	Tên học phần đã học		Tên học phần đề nghị công nhận điểm		
					Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Điểm học phần công nhận
7	2231010035	Phạm Văn Thiện	18/01/1992	CT38A	Tin học ứng dụng trong ngành Dược	2	Tin học đại cương và ứng dụng	2	7.8
					Tin học đại cương	2			
					Hoá sinh 1	2	Hoá Sinh	3	6.5
					Hoá sinh 2	4			
8	2255010069	Nguyễn Tiến Việt Hưng	09/01/2003	RHM.K14	Xác suất thống kê	3	Xác suất - Thống kê y học	2	7.9
					Sinh học đại cương	2	Sinh học	2	7.8
					Hóa học đại cương	3	Hoá học	2	7.3
9	2251010149	Đoàn Việt Hoàng	27/03/2003	K44.E	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất 1	1	8.8
					Triết học Mác-Lênin 1	3	Triết học Mác-Lênin 1	3	8.4
10	2251010066	Phạm Thành Đạt	07/12/2003	K44.D	Triết học Mác - Lê nin	3	Triết học Mác - Lê nin	3	7.2
					Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất 1	1	7.2
11	2251010239	Nguyễn Quốc Đạt	13/05/2003	K44.C	Triết học Mác - Lê nin	3	Triết học Mác - Lê nin	3	8.4
					Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất 1	1	8.6
12	2251010098	Nguyễn Thị Bích Ngọc	24/10/2002	K44.C	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6.2
					Triết học Mác-Lênin	3	Triết học Mác-Lênin	3	7.2
13	2251010391	Lê Hữu Thanh	15/10/1993	K44.F	Giáo dục thể chất	Chứng chỉ	Giáo dục thể chất 1	1	10.0
							Giáo dục thể chất 2	1	10.0
14	2251010423	Nguyễn Thị Hoa	21/12/2003	K44.C	Triết học Mác Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	8.9

STT	Mã SV	Họ tên	Năm sinh	Lớp	Tên học phần đã học		Tên học phần đề nghị công nhận điểm		
					Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Điểm học phần công nhận
15	2251010248	Lê Minh Hằng	25/09/2023	K44.E	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7.7
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7.7
16	2251010313	Nguyễn Thị Minh	01/10/2002	K44.B	Giáo dục thể chất	3	Giáo dục thể chất 1	1	5.6
							Giáo dục thể chất 2	1	5.6
							Giáo dục thể chất 3	1	5.6
17	1751010112	Phạm Thị Thu Hà	06/05/1997	K39.I	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất 1	1	7.5
					Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất 2	1	8.5
					Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất 3	1	8.0
18	2251010392	Trần Quang Quyền	10/03/1998	K44.H	Vật lý và Lý sinh	2	Lý Sinh	2	5.5
					Hóa học	2	Hóa Học	2	5.5
					Chứng chỉ môn học giáo dục thể chất	Chứng chỉ	Giáo dục thể chất 1	1	10.0
					English 1	4	Ngoại ngữ 1	3	7.2
					English 2	4	Ngoại ngữ 1	3	7.6
19	2255010038	Nguyễn Thu Minh	05/10/2004	RHM.K14	IELTS CAMBRIDGE	Chứng chỉ	Ngoại ngữ 1	3	10.0
							Ngoại ngữ 2	3	9.5
20	2255010017	Phạm Quỳnh Anh	18/10/2004	RHM.K14	Chứng chỉ IELTS	Chứng chỉ	Ngoại ngữ 1	3	10.0
21	2152010160	Trần Thị Thu Nga	16/08/2003	Được.K10A	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất 1	1	8.0
					Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất 2	1	8.0
					Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất 3	1	5.9

STT	Mã SV	Họ tên	Năm sinh	Lớp	Tên học phần đã học		Tên học phần đề nghị công nhận điểm		
					Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Điểm học phần công nhận
21	2152010160	Trần Thị Thu Nga	16/08/2003	Dược.K10A	Toán thống kê	2	Xác suất - Thống kê y dược	2	6.6
					Vật lý	2	Vật lý đại cương	2	7.1
					Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	9.0
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8.7
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8.6
					Giải phẫu - Sinh lý	3	Sinh lý	3	5.7
22	2252010135	Phạm Thị Trang	02/10/2003	Dược.K11B	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất 1	1	7.5
					Tin học ứng dụng	3	Tin học ứng dụng	3	8.4
					Ngoại ngữ	3	Ngoại ngữ	3	7.3
23	2131010080	Nguyễn Như Ngọc	08/10/1992	CT37.A	Dị ứng	2	Dị ứng	2	7.0
					Dược lý	2	Dược lý	2	6.8
					Tin học ứng dụng	2	Tin học đại cương & Ứng dụng	2	7.5
					Vi sinh	2	Vi sinh	2	5.7
					Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	7.0
					Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	6.7
					Pháp luật và Chính sách Y tế	2	Pháp luật và Chính sách Y tế	2	7.2
24	1901010620	Itthiphonh Dalasouk	08/06/1996	YK.Lào.K1	Lý sinh	3	Lý sinh	2	6.7
					Mô phôi	3	Mô phôi	3	6.1
					Sinh học	2	Sinh học	1	7.6

STT	Mã SV	Họ tên	Năm sinh	Lớp	Tên học phần đã học		Tên học phần đề nghị công nhận điểm		
					Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Học phần	Số ĐVHT/ Tín chỉ	Điểm học phần công nhận
24	1901010620	Itthiphonh Dalasouk	08/06/1996	YK.Lào.K1	Hóa học	3	Hóa học	1	7.8
					Tư tưởng hồ chí minh	2	Tư tưởng hồ chí minh	2	6.0
					Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	5.5
					Sinh lý	3	Sinh lý 1	3	6.8
					Hóa sinh	4	Hóa sinh 1	3	7.1
					Giải phẫu 1	3	Giải phẫu 1	4	7.5
					Giải phẫu 2	3	Giải phẫu 2	4	7.9

Danh sách gồm 24 sinh viên với 91 học phần đề nghị công nhận điểm

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Trọng Phụng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai